



DOI: <https://doi.org/10.52714/dthu.sch.2341.1800>

## DIỄN NGÔN TRANH THƯƠNG TRÊN BÁO CÔNG LUẬN CỦA NGƯỜI VIỆT Ở NAM KỲ

Nguyễn Thế Hồng

Khoa Sư phạm Khoa học xã hội, Trường Sư phạm,  
Trường Đại học Đồng Tháp, Việt Nam

Email: [nthong@dthu.edu.vn](mailto:nthong@dthu.edu.vn)

### Lịch sử bài báo

Ngày nhận: 26/4/2025; Ngày nhận chỉnh sửa: 9/6/2025; Ngày duyệt đăng: 10/7/2025

### Tóm tắt

Nghiên cứu khảo sát một số bài viết đăng trên báo Công Luận thập niên 20 thế kỷ XX bằng phương pháp lịch sử kết hợp với phương pháp phân tích diễn ngôn. Qua đó, làm rõ vai trò của báo Công Luận trong việc cổ vũ tinh thần tranh thương và hình thành ý thức kinh tế dân tộc cho người Việt. Kết quả nghiên cứu, báo Công Luận đăng tải nhiều bài viết phê phán tư duy “trọng nông ức thương”; nêu ra sự trì trệ, tâm lý tự ti và thói quen tiêu dùng lệ thuộc của người Việt. Bên cạnh đó, tác giả các bài viết cổ vũ việc dùng hàng nội hóa, phát triển sản xuất công – nông nghiệp và khuyến khích lập hội đoàn để hỗ trợ thương nhân, nông dân người Việt. Bằng các lập luận và hình ảnh so sánh cụ thể, tác giả các bài viết trên báo định hướng lại tư duy làm giàu gắn với lòng yêu nước, xem kinh tế như một mặt trận quan trọng trong công cuộc chấn hưng dân tộc. Về ý nghĩa, phạm vi ảnh hưởng còn hạn chế nhưng báo Công Luận góp phần cổ vũ tinh thần cho phong trào dân tộc dân chủ của người Việt ở Nam Kỳ những thập niên đầu thế kỷ XX.

**Từ khóa:** Công Luận báo, kinh tế, Nam Kỳ, thuộc địa, tranh thương.

Trích dẫn: Nguyễn, T. H. (2026). Diễn ngôn tranh thương trên báo Công Luận của người Việt ở Nam Kỳ. *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp*, 15(4), 63-73. <https://doi.org/10.52714/dthu.sch.2341.1800>

Copyright © 2026 The author(s). This work is licensed under a CC BY-NC 4.0 License.

## **THE DISCOURSE OF COMMERCIAL COMPETITION IN THE CONG LUAN NEWSPAPER BY VIETNAMESE IN COCHINCHINE**

**Nguyen The Hong**

*Faculty of Social Sciences Education, School of Education,  
Dong Thap University, Cao Lanh 870000, Viet Nam*

*Email: nthong@dthu.edu.vn*

### **Article history**

*Received: 26/4/2025; Received in revised form: 9/6/2025; Accepted: 10/7/2025*

### **Abstract**

*This study examines a selection of articles published in the Cong Luan newspaper during the 1920s using a historical approach combined with discourse analysis. Thereby, it clarifies the role of Cong Luan in promoting the spirit of economic competition and in shaping a sense of national economic consciousness among the Vietnamese. The study highlights Cong Luan's significant contribution to promoting the spirit of economic competition and cultivating a sense of national economic consciousness among the Vietnamese. By criticizing the traditional mindset of "honoring agriculture while belittling commerce," Cong Luan exposed socio-economic stagnation; dependency in consumption habits, and a lack of entrepreneurial spirit. Simultaneously, it actively encouraged the use of domestic products, industrial and agricultural development, and the organization of economic associations to support local businesses. Through persuasive rhetoric and comparative reasoning, the newspaper reframed wealth accumulation as a patriotic act and positioned economic activity as a vital front in the nation's struggle for renewal. The Cong Luan newspaper significantly contributed to shaping the ideological groundwork for the nationalist-democratic movements that emerged among the Vietnamese in Cochinchina during the early twentieth century.*

**Keywords:** *Cong Luan newspaper, Cochinchina, colonial, economic, economic competition.*

## **1. Giới thiệu**

Công Luận báo là ấn phẩm Việt ngữ của tờ báo Pháp ngữ L'Opinion. Số đầu tiên được xuất bản vào ngày 29/8/1916 và kết thúc vào tháng 10/1939. Báo có khổ 60x45 cm, xuất bản hai kỳ mỗi tuần vào các ngày thứ Ba và thứ Sáu. Trụ sở đặt tại số 146, đường Pellerin, Sài Gòn, chủ bút là ông Nguyễn Kim Đính. Từ năm 1918, báo chuyển thành nhật báo, đến số 691 (ngày 06/8/1927) đổi tên thành Công Luận và tiếp tục xuất bản đến số 9021. Nội dung của báo phong phú, đề cập đến nhiều lĩnh vực như chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội trong nước và ngoài nước. Tờ báo được chính quyền thực dân Pháp cho phép hoạt động hợp pháp với mục đích định hướng dư luận theo đường lối tuyên truyền về “sứ mệnh khai hóa” của chủ nghĩa thực dân ở Nam Kỳ. Qua khảo sát một vài số báo trong thập niên 20 thế kỷ XX, đa phần người Việt ở Nam Kỳ tham gia cộng tác với nhiều bài viết liên quan lĩnh vực kinh tế. Các bài viết về liên quan kinh tế tập trung vào các nội dung chính: phê phán tư duy kinh tế lỗi thời, nhất là quan niệm “trọng nông ức thương”; phản ánh những hạn chế, yếu kém trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của người Việt; kêu gọi và cổ vũ tinh thần tranh thương theo hướng sản xuất tư bản chủ nghĩa như một con đường canh tân và phát triển dân tộc. Qua nguồn tư liệu, nghiên cứu tập trung phân tích các vấn đề trên nhằm làm rõ vai trò của báo Công Luận trong việc định hướng nhận thức và khơi dậy tinh thần tự cường kinh tế của người Việt trong xã hội thuộc địa Nam Kỳ.

## **2. Phương pháp nghiên cứu**

Nghiên cứu vận dụng phương pháp lịch sử kết hợp với phương pháp phân tích diễn ngôn nhằm khảo sát nội dung một số bài viết trên báo Công Luận thập niên 1920 thế kỷ XX. Phương pháp lịch sử được sử dụng để tìm hiểu bối cảnh xã hội thuộc địa Nam Kỳ; nội dung bài viết trên báo phản ánh những hạn chế về tinh thần tranh thương và các giải pháp được đề xuất nhằm thúc đẩy hoạt động sản xuất, kinh doanh cho người Việt trong giai đoạn này. Phương pháp phân tích diễn ngôn hỗ trợ việc lý giải vì sao các bài viết trên báo Công Luận thường xuyên đề cập đến vấn đề tranh thương, khuyến khích sử dụng hàng nội địa và đề xuất người Việt thành lập các hội đoàn thể. Phương pháp phân tích diễn ngôn cho phép xác định rõ chủ thể và đối tượng của diễn ngôn, bao gồm nhiều thành phần trong xã hội Nam Kỳ đương thời. Đồng thời, giúp làm sáng tỏ đặc điểm ngôn ngữ được sử dụng trên báo Công Luận: đơn giản, gần gũi, dễ hiểu, giàu hình ảnh và thường đi kèm với các khẩu hiệu kêu gọi. Thông qua việc phân tích nội dung các bài viết, nghiên cứu xác định được mục đích truyền tải của diễn ngôn và đánh giá mức độ ảnh hưởng của nó đối với người Việt trong xã hội thuộc địa Nam Kỳ.

## **3. Kết quả và thảo luận**

### **3.1. Báo Công Luận với vai trò tiếp nối tinh thần tranh thương của người Việt ở Nam Kỳ đầu thế kỷ XX**

Báo Công Luận ra đời vào tháng 8/1916, trong bối cảnh kinh tế – xã hội Nam Kỳ chịu nhiều tác động mạnh mẽ từ Chính sách khai thác thuộc địa lần thứ nhất của thực dân Pháp (1897–1914). Đồng thời, đây là thời điểm Chiến tranh thế giới thứ nhất đang diễn ra giữa các nước thực dân và đế quốc. Việc chính quyền thực dân Pháp cho phép báo chí công khai hoạt động tại Đông Dương, đặc biệt là ở Nam Kỳ, nhằm phục vụ mục tiêu tuyên truyền cho chính sách cai trị và xây dựng hình ảnh về một nền “văn minh khai hóa” theo tư tưởng thực dân.

Từ đầu thế kỷ XX, báo chí hiện đại được phổ biến ở Nam Kỳ và nhanh chóng trở thành công cụ hiệu quả để người Việt phát động phong trào tranh thương, đồng thời truyền bá các giá trị văn hóa, tư tưởng và giáo dục tiến bộ phương Tây. Nổi bật là sự ra đời và phát triển nhanh chóng của phong trào Minh Tân ở Nam Kỳ. Một trong những đặc điểm tiêu biểu của phong trào Minh Tân là sự chuyển hướng tinh thần yêu nước từ đấu tranh vũ trang trực diện chống thực dân Pháp sang con đường ôn hòa hơn, thông qua cải cách kinh tế, truyền bá tư

tường và phổ cập nội dung giáo dục tiên bộ. Khởi đầu của phong trào là cuộc vận động cải cách kinh tế do ông Lương Khắc Ninh khởi xướng trên báo Nông Cổ mìn đàm (1901–1905). Trong khoảng thời gian đầu, tuy chưa tạo thành một phong trào xã hội rộng lớn nhưng những hoạt động diễn ra đặt nền móng cho tinh thần tranh thương của người Việt các giai đoạn sau. Từ năm 1906 đến 1908, khi ông Trần Chánh Chiếu đảm nhiệm vai trò chủ bút của hai tờ báo Nông Cổ mìn đàm và Lục Tinh Tân văn, những tư tưởng canh tân tiếp tục được phát triển mạnh mẽ, góp phần làm bùng nổ phong trào Minh Tân. Tờ Nông Cổ mìn đàm trở thành cơ quan ngôn luận trong việc tuyên truyền tư tưởng tranh thương và cổ vũ hoạt động phát triển kinh tế cho người Việt tại Nam Kỳ đầu thế kỷ XX. Các sĩ phu Minh Tân, thông qua các bài viết đã phân tích nguyên nhân dẫn đến sự mất nước của Việt Nam trước thực dân Pháp. Theo đó, người Việt mất nước bắt nguồn từ sự yếu kém về kinh tế, quân sự và tư duy chiến lược của thời đại. Từ đó, họ đề xuất một trong những biện pháp quan trọng để phục hưng dân tộc là phải chú trọng phát triển kinh tế. Theo họ, để tiến hành canh tân đất nước thành công, người Việt trước hết cần thay đổi tư duy: phải biết chấp nhận khó khăn, biết học hỏi và tiếp thu các giá trị tiên bộ của thời đại. Tuy nhiên, các sĩ phu Minh Tân cũng chỉ ra trở lực đến từ chính tâm lý xã hội, như sự thiếu tầm nhìn dài hạn, tâm lý dễ thỏa mãn, tự ti và thù cựu của một bộ phận người Việt. Kết quả, lời kêu gọi tranh thương và phát triển kinh tế được phát đi với tinh thần đầy nhiệt huyết nhưng phong trào Minh Tân vẫn chưa đạt được hiệu quả thực tế rõ rệt trong xã hội Nam Kỳ.

Khi báo Công Luận ra đời, tinh thần tranh thương tiếp tục được đề cập một cách đều đặn và nhất quán thông qua nhiều bài viết xoay quanh các hoạt động sản xuất, kinh doanh, cùng với những lời kêu gọi người Việt vươn lên làm chủ nền kinh tế dân tộc. Đặc biệt, sau sự kiện phong trào tẩy chay kinh tế tư sản người Hoa vào năm 1919, báo đã tăng cường đáng kể các nội dung liên quan đến chủ đề tranh thương trong suốt thập niên 1920. Qua đó, báo Công Luận không chỉ góp phần tiếp nối tư tưởng tranh thương được hình thành từ đầu thế kỷ XX, mà còn phát triển nó phù hợp với điều kiện xã hội thuộc địa đương thời.

### **3.2. Diễn ngôn phê phán một số hạn chế trong tư duy của người Việt**

*Thứ nhất*, phê phán tư duy không “biết người, biết ta” của người Việt

Thông qua nội dung bài viết “*Ta nên biết sự hèn dở của ta*”, tác giả phê phán những hạn chế trong tư duy của người Việt liên quan đến hoạt động kinh tế. Tác giả khuyến nghị người Việt cần nhìn nhận rõ điểm mạnh và điểm yếu của chính mình để điều chỉnh tư duy và hành động cho phù hợp với yêu cầu phát triển xã hội. Quan điểm thể hiện rõ: “Minh hèn – dở mà mình xét biết được thời cũng còn là cao thượng, chớ hèn – dở mà không biết hèn – dở thời thiệt không còn chút cao thượng nào. Minh phải biết mình cho đúng, thời ích lợi rất nhiều: xét biết được có điều gì hay, thời cố gìn giữ lấy, không nghe lời bàn vô nói ra của thiên hạ mà nay dòi, mai dổi; xét biết được điều gì của mình dở, thời rán mà chừa bỏ hoặc là chữa lại cho nên hay” (Tô, 20/6/1922, tr. 1). Khi so sánh về hoạt động kinh tế, tác giả nhấn mạnh ưu thế vượt trội của người Hoa hơn người Việt. Qua đó, cho thấy người Việt không chỉ yếu kém trong thực lực kinh tế mà còn thiếu cả nhận thức đúng về thực trạng: “Người Tàu ở trong nước ta, nắm cả thương-quyền, mà người mình chỉ biết than thở chớ không biết làm sao. Vậy là mình hèn, mà mình không rõ, cái hại lớn lao là bao nhiêu” (Tô Văn, 20/6/1922, tr. 1). Tác giả cảnh báo: “Một dân tộc không biết sự gì của mình hay để cố giữ làm tinh túy của mình, cái gì dở dễ chữa sửa cho ra hay thời còn gì hại bằng” (Tô, 20/6/1922, tr. 1). Từ thực tế lịch sử các phong trào kháng chiến chống thực dân Pháp nửa sau thế kỷ XIX, người Việt thể hiện được tinh thần yêu nước và đoàn kết trong các cuộc đấu tranh. Tuy nhiên, do chưa nhận thức đầy đủ về sức mạnh của kẻ thù cũng như những yếu kém nội tại của đất nước nên tất cả phong trào yêu nước đều đi đến thất bại. Trên cơ sở đó, để khẳng định tinh thần yêu nước là quan trọng nhưng phải biết phát huy đúng vào từng thời điểm lịch sử cụ thể.

*Thứ hai, phê phán tư duy phân biệt “ba kỳ” của người Việt*

Theo Sắc lệnh của Tổng thống Pháp ký ngày 17/10/1887, Liên bang Đông Dương được thành lập bao gồm: Nam Kỳ, Trung Kỳ, Bắc Kỳ (thuộc Việt Nam) và Campuchia. Trong đó, xứ Nam Kỳ trở thành thuộc địa trực trị của thực dân Pháp. Chính sách “chia để trị” của thực dân Pháp đã góp phần định hình tư duy phân biệt vùng miền giữa ba kỳ của người Việt. Qua đó, ảnh hưởng đến tinh thần đoàn kết dân tộc trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Tư duy phân biệt vùng miền được các chí sĩ phong trào Minh Tân ở Nam Kỳ đầu thế kỷ XX nhận diện rõ ràng và phản ánh qua nhiều bài viết trên báo chí. Tuy nhiên, tình trạng phân biệt vùng miền của người Việt ở ba kỳ chưa được khắc phục trọn vẹn. Trong bài viết “*Nam Bắc một nhà (Ngõ cùng đồng bào Nam Kỳ)*”, tác giả bày tỏ lo ngại: “Đã là một nhà chẳng may, vì cách nhau non nước, khác nhau chánh thể mà đến xem nhau như kẻ Việt người Tần, có kẻ lại xem đồng bào như thù nghịch...người một nòi giống mà không biết nhìn là anh em” (T, 21/7/1922, tr. 1). Từ góc nhìn kinh tế, tác giả cho thấy hậu quả của sự chia rẽ khi người Việt không đoàn kết để cạnh tranh với tư sản nước ngoài (tư sản người Hoa): “Một xứ Nam Kỳ, có ba triệu nhân dân, mà người Kiêu cư có đến ba vạn. Tổng số nhân khẩu ta được người thì của người Tàu được một. Mà họ là người làm lợi, ta là người ra của, họ một ngày một giàu, mà tiền bạc ta một ngày một trôi chảy về Tàu!” (T, 21/7/1922, tr. 1). Tác giả kêu gọi người Việt vượt qua định kiến để đoàn kết và hợp tác phát triển kinh tế: “Đồng bào Nam Kỳ ta ơi! Vì vậy mà sự Nam Bắc một nhà là cái thể tất yếu vậy. Ta nên hiệp nhau lại mới được... Anh em ta ở Bắc giỏi việc buôn bán hơn ta, giỏi việc nghề nghiệp hơn ta, ta nên cần giúp đỡ nhau” (T, 21/7/1922, tr. 1). Sự thất bại của phong trào tẩy chay hàng hoá tư sản người Hoa năm 1919 là một minh chứng điển hình cho sự thiếu đoàn kết và quyết tâm trong cuộc vận động tranh thương của người Việt. Bởi vì sau phong trào người Việt tiếp tục ưu tiên sử dụng hàng hóa do người Hoa sản xuất và kinh doanh: “Cuộc tẩy chay của ta tỏ được lòng biết sự nguy của ta, mà rồi đã chứng được sự bất lực của ta” (T, 21/7/1922, tr. 1).

Thực tế cho thấy, người Việt không chỉ thiếu ý chí cạnh tranh kinh tế mà còn bị chi phối bởi tâm lý mặc cảm và thiếu chiến lược hành động: “Điều dở như cái hèn, biết than thở là thua sát người Tàu, mà không làm sao cho khỏi tay họ” (Tô, 20/6/1922, tr. 1). Không chỉ ở Nam Kỳ, thành phần trí thức Bắc Kỳ đương thời như Phạm Quỳnh, Nguyễn Văn Vĩnh từng kêu gọi xóa bỏ ranh giới phân biệt vùng miền: “Vấn đề Nam Bắc 1 nhà, là rất quan-hệ cho người nước ta, từ đây về sau, ai có lòng ganh ghét, ghét vô, với nhau thì lấy một người nào sái quấy mà chỉ, dẫn dân Trung, Nam, Bắc, chớ đừng có chia ranh, chia bọn, mà kích bác nhau làm cho bót cái giá Bắc, Nam. Liên-lạc là một điều đại hệ cho kẻ sanh sau, mà kẻ nói việc xằng đó, thì có tội với đồng bào rất lớn đó, nhứt là người viết báo, nên kĩ xét cho” (Lê, 14/10/1924, tr. 4). Tương tự là một bài viết khác cũng kêu gọi người Việt phải vượt lên trên hiềm khích cá nhân để hướng đến đại nghĩa: “Từ bực trí thức cho đến bực thường dân ai cũng trọng cái đại nghĩa...lời nói vô tình của một người chẳng đủ phá được một cái chủ nghĩa đẹp đẽ của mấy triệu người đương tôn trọng” (Công Luận, 6/2/1923, tr. 1). Như vậy, tư duy phân biệt vùng miền không chỉ là rào cản đối với tiến trình thay đổi kinh tế, mà còn là một trong những nguyên nhân cản trở khối đại đoàn kết dân tộc trong bối cảnh thực dân Pháp xâm lược và thống trị Việt Nam.

*Thứ ba, phê phán tư duy “bảo thủ” của người Việt*

Một trong những nguyên nhân quan trọng khiến tinh thần tranh thương của người Việt không thể phát huy mạnh mẽ trong giai đoạn đầu thế kỷ XX là tư duy bảo thủ, trì trệ và thiếu nhạy bén. Các bài viết trên báo nhiều lần nêu ra hạn chế này, đặc biệt nhấn mạnh đến việc người Việt chưa nhận thức được tầm quan trọng của việc tiếp thu tri thức hiện đại và đổi mới tư duy sản xuất, kinh doanh. Trong bài viết “*Điếc hay cục đất*”, tác giả phê phán: “Bỏ một tháng có vài đồng mà tiếc – để bỏ bạc muôn bạc ngàn ra cho kẻ bè trên ăn đặng cho khỏi khổ

đầu khỏ óc – Khỏi bị khỏ đầu khỏ óc rồi lại trở lại khỏ đầu khỏ óc kẻ dưới mà khỏ tiên...cùng năm chẳng cất đầu lên nổi, bởi vậy cho nên tiếng 'dân cùng' cũng có nghĩa này mà cũng có nghĩa nọ” (Công Luận, 16/11/1923, tr. 1). Tác giả cho rằng, trong bối cảnh tri thức Tây học và các giá trị tiên bộ của phương Tây du nhập vào Việt Nam, nền giáo dục truyền thống mang tính kinh viện, gò bó theo khuôn mẫu Nho giáo không còn phù hợp. Việc không tiếp nhận những thay đổi tất yếu của thời đại khiến người Việt chậm thích ứng với xu thế phát triển và tụt hậu trong cuộc cạnh tranh kinh tế với các dân tộc khác. Tinh thần tự mãn, an phận, thiếu năng động trong hoạt động sản xuất kinh doanh tiếp tục được phản ánh rõ trong bài viết “*Dân ta có thói hóa chãng*”. Tác giả bài viết bày tỏ lo ngại: “Trong lúc các dân tộc đang tranh đua nhau đặng nung nhắc trình độ mình cho cao thêm, sức cạnh tranh lấy lòng rung động hoàn cầu, làm cho dân dã mau hơn hết, ám muội hơn hết cũng giựt mình mà tĩn vậy!” (Cao, 20/11/1923, tr. 1). Người Việt thể hiện tâm lý cam chịu và thiếu trách nhiệm với tương lai dân tộc: “Annam ta vẫn như thường cũng tự nhiên ngày ăn đêm ngủ, phú việc quan hệ của xã hội cho ngọn sóng thủy triều, không hề đau thương thảm xót cho căn bản mình suy kém tòi tệ” (Cao, 20/11/1923, tr. 1). Như vậy, nội dung các bài viết phê phán trực tiếp bộ phận lớn người Việt còn nặng tâm lý tự ti, bảo thủ, thiếu quyết tâm đổi mới để theo kịp trào lưu tiến hóa của thời đại. Từ đó khẳng định: tồn tại tư duy bảo thủ không chỉ cản trở sự phát triển kinh tế, mà còn làm chậm tiến trình hiện đại hóa và phục hưng dân tộc dưới ách cai trị của thực dân Pháp.

#### *Thứ tư, phê phán tư duy tư lợi cá nhân*

Trong khuôn khổ chính sách “người bản xứ cai trị người bản xứ” của chính quyền thực dân Pháp, một số người Việt có quốc tịch Pháp và đạt đủ tiêu chuẩn được phép tham gia vào Hội đồng Quản hạt Nam Kỳ. Đây là một bước tiến tượng trưng cho sự “cải lương” về thể chế, vì hiệu quả của chính sách này phụ thuộc vào ý thức và tư duy của chính những người Việt tham chính. Báo Công Luận có nhiều bài viết thể hiện thái độ phê phán rõ rệt đối với tư duy vị kỷ, coi thường lợi ích chung của bộ phận người Việt. Trong bài viết “*Hội đồng Quản hạt lựa nghị viên*”, tác giả Nguyễn Kim Đính không chỉ đề cập đến những tiêu chuẩn cơ bản về đạo đức và năng lực đối với người ra ứng cử, mà còn nhấn mạnh đến trách nhiệm của cử tri trong việc lựa chọn người xứng đáng. Ông cảnh báo về tình trạng cử tri bị mua chuộc bằng những lợi ích nhỏ nhặt: “Đồng bang người nào muốn ra tranh cử thì phải có tài luận biện, phải lịch lãm dân tình, phải có chí nhiệt thành, phải có lòng công ích...chớ nên tham ly rượu bữa com, chớ nên kể tiếng dọa hăm cùng đồng bạc trắng” (Nguyễn, 23/6/1922, tr. 1). Cùng quan điểm, trong bài “*Hội đồng quản hạt, ta bầu ai?*”, tác giả Trần Thanh Liêm gửi niềm tin vào ý thức chính trị của cử tri người Việt, đồng thời lên án mạnh mẽ sự lựa chọn thiên vị, bị dẫn dắt bởi lợi ích cá nhân hay tình cảm riêng tư: “Xin đồng bào đừng vì lợi ích riêng, tình riêng, mà bầu cử người không xứng đáng. Xin đồng bào đừng để mờ hoặc, mà bầu cử thất nhơn, cuộc cải lương kia hoá ra vô dụng, mà về sau, kết quả không hay” (Trần, 30/6/1922, tr. 1).

Không chỉ nhắm vào cử tri, báo chí còn phê phán thái độ thờ ơ, thiếu nhiệt tình của người dân đối với quyền tham gia chính trị, dù được trao cơ hội hợp pháp thông qua cơ chế thừa sai. Trong bài “*Về sự lập sổ thừa sai Hội đồng Quản hạt*”, tác giả bày tỏ: “Hơn mười năm các nhà báo, các nhà thượng lưu lắm lời kêu ca nhà nước...nào là nói bao nhiêu thừa sai làng không xứng đáng thay mặt dân đi bỏ thăm...những lời kêu ca ấy nay rõ ra là không được thiệt chút nào ra? (...). Xin đồng bào, ai có quyền bỏ thăm hãy sốt sáng lên nào?” (Công Luận, 28/7/1922, tr. 1). Tháng 6/1923, một kế hoạch (còn gọi là dự án Candelier) liên quan đến hoạt động khai thác thương mại ở cảng Sài Gòn được đăng tải trên báo chí Nam Kỳ. Từ Les Annales Coloniales trích dẫn lại thông báo: Hội đồng Thuộc địa Nam Kỳ đã thông qua dự thảo cho phép một công ty Pháp khai thác thương cảng Sài Gòn - Chợ Lớn trong thời gian 15 năm. Theo đó, “Quyền của bên được nhượng quyền bị hạn chế: 1. Chỉ dành cho vận chuyển đường thủy; 2. Đối với việc vận chuyển duy nhất lúa gạo và các sản phẩm từ lúa cũng như ngô; 3. Chỉ việc vận chuyển diễn ra từ điểm này đến điểm khác trong cảng, nghĩa là từ Sài Gòn đến Chợ Lớn

và từ Chợ Lớn đến Sài Gòn và chỉ để bốc dỡ các sản phẩm nói trên lên tàu biển” (Les Annales Coloniales, 17/1/1924, tr. 2). Trong bài viết “*Việc hiện tại, vì sao các Nghị viên Quản hạt Annam phải phê bốn thảo tờ giao kèo của phòng Thương mại ta*”, tác giả René Laurent nhấn mạnh rằng thương cảng Sài Gòn là không gian giao thương mở, nơi quyền lưu thông hàng hóa cần được đảm bảo cho mọi thành phần kinh tế. Tác giả chỉ rõ rằng: “Sự thông hành trong hải khẩu thì cả thầy đều tự do...chỉ riêng có một sự chớ chuyên gạo, lúa vắn vắn, và bắp... đặng chớ món quý đó đi khắp hoàn cầu. Vậy thì lâu nay ai choán phần chớ chuyên gạo, lúa bột, tấm cám này?” (René, 30/11/1923, tr. 1). Từ đây, báo chí cho rằng dự án Candelier không chỉ ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi của tư sản người Việt đang dần mạnh nha hình thành, mà còn xâm phạm đến lợi ích kinh tế xứ Nam Kỳ. Chính vì thế, các bài trên báo Công Luận liên tiếp kêu gọi các nghị viên người Việt trong Hội đồng Quản hạt Nam Kỳ sử dụng quyền phủ quyết để bảo vệ quyền lợi dân tộc. Một luận điểm đáng chú ý khác là sự đan xen giữa yếu tố kinh tế và tinh thần dân tộc trong bài viết của René Laurent. Tác giả nhắc lại những phong trào bài Hoa từng diễn ra vào năm 1919 và cho rằng: “*Annam cần phải cự địch với Chệt nơi trường kinh tế*” (René, 30/11/1923, tr. 1). Khẳng định này không chỉ phản ánh tâm lý cạnh tranh trong bối cảnh thương trường Nam Kỳ đầu thế kỷ XX mà còn cho thấy xu hướng dân tộc hóa trong kinh tế. Trong bối cảnh chính quyền thực dân Pháp hạn chế quyền tự chủ về chính trị, thì việc bảo vệ quyền lợi kinh tế, giữ lấy không gian sinh tồn của tư sản người Việt được xem là một mặt trận đấu tranh quan trọng.

### 3.3. Diễn ngôn cổ vũ người Việt tham gia tranh thương và hướng dẫn sản xuất, kinh doanh

*Thứ nhất*, tuyên truyền tinh thần tranh thương và đoàn kết dân tộc trong kinh doanh

Các bài viết trên báo Công Luận thể hiện rõ lập trường cổ vũ người Việt nâng cao ý thức kinh tế, xem đó như một phương tiện thiết thực để tự cường và cứu nước. Các bài viết thường mở đầu bằng việc nêu ra những hạn chế trong tư duy kinh tế của người Việt đương thời như tâm lý “trọng nông, ức thương”, chuộng lối học làm quan, xem nhẹ thương mại và thiếu đức tính tiết kiệm. Tác giả Ngô Khắc Mẫn thẳng thắn phê phán thực trạng sống không lo xa, không chịu tranh đấu để tiến bộ: “Phàm ở đời thì phải theo đời mà ở, đời này là đời tiền đời bạc, không tiền bạc đầu thầy Tăng, thầy Mạnh cũng co tay; Đời này là đời phải đua tranh, nếu dốt nát thì đua tranh sao đặng” (Ngô, 11/7/1922, tr. 1). Tác giả T.L đồng quan điểm khi cho rằng người Việt vẫn còn mang nặng tư tưởng cũ, sống hưởng thụ mà không ý thức được trách nhiệm với đất nước. Ông nhận định: “Quan sát xã hội xem thông thường, tư tưởng của quác dân so với bao nhiêu lâu về trước, sánh với của các nước gần đây: Xiêm, Tàu, Nhật Bản thời ta còn có máu Annam thời ta phải buồn rầu vô hạn vậy” (T, 18/7/1922, tr. 1). Vì thiếu đức tính tiết kiệm nên “nước ta không phải nghèo, dân ta không phải không sung sướng, nhưng tiền của tích trữ lấy làm ít”, và “Hầu hết người nước ta như ăn ngày nào lo ngày nấy như ngoài sự ăn sung mặc sướng, vợ đẹp, nhà tốt thời không biết gì là quác gia, là xã hội, là đại nghĩa đồng bào, là bảo tồn quác túy cả” (T, 18/7/1922, tr. 1). Những nhận định đó, không chỉ phản ánh một thực trạng xã hội đương thời mà còn hàm chứa lời kêu gọi thay đổi nhận thức: “Đông bang ta muốn cho xã hội tân hóa phải tích trữ tiền của; xin ai cũng rán làm việc nhiều, mà xài tiền ít, thế may cho nước ta” (T, 18/7/1922, tr. 1).

Song song với các bài viết phê phán tâm lý thủ cựu và lệ thuộc kinh tế, một số bài báo đề cao phương châm “yêu nước qua con đường làm giàu”. Trong bài viết “*Học buôn bán*”, tác giả Ngô Khắc Mẫn bày tỏ sự tiếc nuối trước thói quen coi trọng nghề nông và học làm quan, đồng thời hoan nghênh tinh thần tranh thương được khơi dậy từ năm 1919 như một tín hiệu của sự thức tỉnh tinh thần dân tộc. Tác giả chỉ rõ: “Xưa nay người ta thường chê dân Nam Kỳ rằng biết có một sự làm ruộng và ham có một sự làm quan mà thôi... Cũng vì thấy như vậy mà đau lòng nên trong năm 1919 mới đấu cật đấu lưng mà tổ chức cuộc tranh thương rất kịch liệt”

(Ngô, 11/7/1922, tr. 1). Tác giả Hứa Nhuận An tiếp tục tinh thần đó khi đề xuất: “Muốn cho chóng văn minh, cho mau tấn hoá, cho khỏi bị đào thải sau này thì chúng ta phải lo làm giàu mới được”, nhưng “than ôi, người dân không biết lo làm giàu mà thế nào nước giàu cho được” (Hứa, 29/3/1927, tr. 1). Theo tác giả, giải pháp là: “Biết yêu đồ nội hoá...ta dùng đồ nội hoá nhiều chừng nào thì Annam ta mới kinh doanh thêm được...mà nếu có nhiều nhà buôn, nhiều xưởng công nghệ thì dân Annam ta lại có nhiều chỗ làm ăn để kiếm tiền” (Hứa, 29/3/1927, tr.1). Bởi vì khi người Việt: “Biết yêu đồ nội hoá thì đồng tiền không lọt vào tay kẻ khác, tức nhiên ta có thể lấy lại được mấy trăm, mấy ngàn triệu bạc, mỗi năm của người ngoại-bang chở về xứ họ kia mà làm giàu vậy” (Hứa, 29/3/1927, tr.1). Tư tưởng này được cụ thể hóa bằng lời kêu gọi dùng hàng nội hóa để giữ đồng tiền trong nước, làm nên tăng phát triển công thương nghiệp bản xứ.

*Thứ hai, phải nâng cao nhận thức về tổ chức kinh tế và sức mạnh cộng đồng*

Một số bài viết chỉ dẫn cần phải nhận thức đúng hơn về vai trò của tổ chức kinh tế và sự liên kết, đoàn kết trong kinh doanh. Tác giả Thạch Sơn qua bài “*Ta nên mở mắt mà coi người ta làm*” so sánh tin thần hiệp thương giữa người Việt với người Hoa: “Ta thử mở mắt mà dòm chừng cuộc hành động của họ, mỗi cái chi đều phát đạt...thì ta lại nhận biết cái dở của ta chừng ấy” (Thạch, 4/9/1926, tr. 2). Tác giả kêu gọi: “Này hỡi quốc dân Nam Việt!...mà ta chỉ làm mặt bàng quang...thì chi cho khỏi người sẽ chê cười ta vậy đó” (Thạch, 4/9/1926, tr. 2). Đây không chỉ là một sự so sánh mà là lời tự vấn sâu xa về sự chậm thay đổi của người Việt trong cuộc cạnh tranh kinh tế. Tinh thần đoàn kết và lòng tự tôn dân tộc được nhấn mạnh trong bài “*Tàu đồ Annam*”. Tác giả kêu gọi đoàn kết dân tộc: “Vì thuở nay Annam phần nhiều ít hay chăm nom qua nghề thương mãi...Nếu đồng bào đem lòng thương nhơn tộc, mến quê hương, mới thành tựu được” (Nguyễn & T, 10/10/1924, tr. 2). Các tác giả đề cao sự cần thiết phải thành lập tổ chức kinh tế để phát triển sản xuất, kinh doanh cho người Việt. Trong bài “*Muốn cho nước giàu dân mạnh phải cạnh tranh đường thực nghiệp*”, tác giả Hoàng Văn Huệ nêu: “Từ khi phong trào tẩy chay khách-trú nổi lên đến nay, đồng bào ta tỉnh dậy, mới chen lấn vào đường thương-mãi...nhưng đó là phần ít và phần ngọn mà thôi, còn phần nhiều phần gốc thì về tay Khách trú hết” (Hoàng, 30/3/1927, tr. 1). Tác giả dẫn chứng: “Lúa gạo là một nùm sữa của đồng bào...Khách trú định giá mắc rẻ thì quyền tự do của họ, mà mắc rẻ gì ta cũng phải bán cho họ, chớ biết bán cho ai bây giờ?” (Hoàng, 30/3/1927, tr. 1). Qua đó, kêu gọi: “Đồng bào ta mấy nhà tư bản hùn hiệp lại...lập ra nhà máy xay lúa, tiệm cửa lò gạch, và hàng trữ đồ thổ sản...thì mỗi lợi luân chuyển trong nước ta, thì dân ta trở nên giàu, nước ta trở nên mạnh” (Hoàng, 30/3/1927, tr. 1).

*Thứ ba, hướng dẫn thực hành sản xuất, kinh doanh và cải cách nông nghiệp*

Không chỉ dừng lại ở khẩu hiệu cổ vũ, các bài báo còn cung cấp các chỉ dẫn thiết thực về cải cách sản xuất và nâng cao khả năng tranh thương cho người Việt. Trong bài viết “*Lo cho nước giàu, dân khôn*”, tác giả nhấn mạnh rằng bất kỳ ngành nghề nào, từ công nghiệp đến thương nghiệp đều có thể góp phần làm giàu cho quốc gia nếu người dân biết hướng tâm về lợi ích cộng đồng: “Người dẫu làm nghề gì hạng gì cũng có tư tưởng cao về quốc gia, cũng có chú ý giúp một phần cho nước giàu dân khôn...người công nghiệp kỹ nghiệp thời trừ tính chế tạo gì cho tinh xảo...người buôn bán thời lưu tâm sao cho giúp được nông sản nước mình bán được nhiều” (C, 13/6/1922, tr. 1). Đây là lời kêu gọi người Việt từ bỏ tư tưởng “trọng nông, ức thương” không còn phù hợp, thay vào đó là chấp nhận và tiếp thu tri thức tiên bộ để tham gia vào hoạt động sản xuất, kinh doanh. Để thành công trong hoạt động tranh thương, nhiều bài viết nhấn mạnh vai trò của các tổ chức hội đoàn. Đây là quan điểm thể hiện bước tiến lớn trong tư duy: chuyển từ “làm giàu cá nhân” sang “làm giàu vì nước”. Đề cập đến nông nghiệp – hoạt động kinh tế chủ đạo của người Việt lúc bấy giờ, qua bài “*Gia Định Nông nghiệp tương tế hội*”, tác giả Ngô Khắc Mẫn nhấn mạnh: “Chúng tôi xin chur quý ông vào hội với chúng

tôi...đặng có thể nương niều nhau mà làm cho nông nghiệp trong tỉnh càng thêm mở mang, thịnh vượng” (Ngô, 9/1/1923, tr. 1). Các tác giả khác như Tô Văn và Nguơn Tiên cũng nêu rõ những yếu kém trong nền nông nghiệp Nam Kỳ, từ kỹ thuật lạc hậu đến sự phụ thuộc vào thương nhân trung gian (tư sản người Hoa). Trong bài “*Nông gia đoàn thể hội*”, tác giả Tô Văn nhấn mạnh việc lập hội là cách duy nhất để nông dân người Việt tự quyết từ khâu tổ chức sản xuất đến giá cả nông phẩm: “Nếu nhà nông ai cũng đều vào hội ấy thì cái thế lực mới mạnh mẽ, mới chống cự với Khách làm trung gian nổi” (Tô, 12/1/1923, tr. 1). Tác giả Nguơn Tiên phân tích thói quen canh tác lạc hậu và lối làm việc hời hợt là “cái bịnh của đồng bào ta”, từ đó kêu gọi cải cách để thoát khỏi cảnh trì trệ: “Đã sanh nhằm đời cạnh tranh mà chur tôn cổ thủ vậy hoài, thì nói giống ta nương niều ai mà mở mang, nhờ cậy ai mà nuôi sống” (Nguơn, 4/7/1922, tr. 1).

*Thứ tư*, nêu cao tư tưởng “Làm giàu để cứu nước, đa dạng hóa kinh tế”

Tư tưởng chủ đạo xuyên suốt của các bài viết là lời cảnh báo: “Phải biết rằng thời đợi này là thời đợi cạnh tranh, thế lực giờ là thế lực kiêm tiền...ta há khoang tay ngó người để chiếm đoạt lợi quyền ta sao?” (Văn, 22/4/1927, tr. 1). Thực trạng kinh tế Nam Kỳ được tác giả Văn Công mô tả rất cụ thể: “Trừ ra cái nông nghiệp về lúa gạo, ít nghe nói ai đi buôn mà làm giàu, hoặc lập xưởng công nghệ gì cho lớn mà ra phú hộ” (Văn, 22/4/1927, tr. 1). Khẳng định về vai trò của công thương nghiệp, tác giả Ngô Khắc Mẫn nêu: “Buổi này các nước trong hoàn cầu nước nào cũng đều lo mở mang đường công thương ngõ đặng tranh cạnh lợi quyền mà làm cho vũng vàng nền tài chánh” (Ngô, 4/7/1922, tr. 1). Quan điểm này, khuyến khích người Việt không nên chỉ dựa vào nông nghiệp mà cần phát triển cả công nghiệp và thương nghiệp để tạo ra một nền kinh tế đa dạng và tự chủ.

### 3.4. Một vài nhận xét chung

*Thứ nhất*, những nội dung được phản ánh trên báo Công Luận thập niên 20 thế kỷ XX cho thấy sự hiện diện rõ nét của một dòng diễn ngôn cổ vũ tranh thương. Nội dung chính yếu là thúc đẩy ý thức kinh tế dân tộc trong bối cảnh người Việt đối mặt với chính sách cai trị của thực dân Pháp và sự cạnh tranh về kinh tế của tư sản nước ngoài ở Việt Nam.

*Thứ hai*, các diễn ngôn trên báo Công Luận mang tính chất cảnh tỉnh và kêu gọi người Việt phải hành động. Cụ thể, nhiều tác giả các bài viết vừa lên tiếng phê phán các thói quen tiêu dùng, nếp nghĩ lạc hậu, vừa tích cực định hướng con đường tự cường thông qua cải cách nhận thức và thực hành sản xuất, kinh doanh cho người Việt.

*Thứ ba*, báo Công Luận không đơn thuần chỉ là một kênh truyền tải tin tức, mà đã vươn lên đóng vai trò của một “trường học xã hội”, nơi giáo dục người Việt về tầm quan trọng của làm giàu, của tổ chức, của tinh thần dân tộc trong hoạt động tranh thương. Các tác giả như Ngô Khắc Mẫn, Thạch Sơn, Hứa Nhuận An...góp phần định hình một thế giới quan mới: nơi yêu nước không chỉ qua khẩu hiệu chính trị mà còn qua hành vi tiêu dùng hàng nội hóa, phát triển kinh tế, tích trữ và tiết kiệm vì tương lai đất nước. Đó chính là cần phải huy sức mạnh quốc gia, sức mạnh dân tộc để giải phóng đất nước thoát khỏi ngoại xâm.

*Thứ tư*, phần lớn các bài viết trên báo vẫn mang tính chất kêu gọi và khuyến dụ, chưa có điều kiện để phản ánh rõ thực tiễn kinh tế cụ thể. Tuy nhiên, chính từ dòng diễn ngôn này góp phần nuôi dưỡng một thế hệ thị dân và tiểu tư sản với tinh thần thực nghiệp – vốn sẽ trở thành lực lượng quan trọng trong các phong trào dân tộc dân chủ về sau. Nội dung trên báo Công Luận không chỉ có giá trị thông tin mà còn là bằng chứng về sự chuyển động âm thầm nhưng bền bỉ của một ý thức dân tộc hiện đại đang hình thành trong lòng xã hội thuộc địa.

#### **4. Kết luận**

Chuyển biến về ý thức hệ đầu thế kỷ XX ở Việt Nam là một quá trình đầy khó khăn và phức tạp, bởi xã hội lúc bấy giờ vừa chứng kiến sự suy tàn của tư tưởng Nho giáo chính thống, vừa mới bắt đầu tiếp cận với những tư tưởng dân chủ tư sản còn rất phôi thai. Trong khoảng trống ý thức hệ ấy, yêu cầu cấp thiết đặt ra là phải tìm được một định hướng mới cho sự giải phóng dân tộc, trong đó có việc thay đổi quan niệm truyền thống về kinh tế và đề cao tinh thần tranh thương. Trên phạm vi cả nước, nhiều phong trào canh tân kinh tế, văn hóa, giáo dục do các sĩ phu, trí thức Tây học và tầng lớp tư sản Việt phát động đã ra đời. Trong hoàn cảnh bị đô hộ, việc phát triển kinh tế dân tộc được xem như một phương thức thiết thực để tăng cường nội lực quốc gia, như lời khẳng định: “Sự đại thương là đệ nhất cách giúp cho dân phú quốc cường”. Nhà duy tân Lương Văn Can cũng từng chỉ ra tiềm năng to lớn của hoạt động thương mại trong thời đại mới: “Bây giờ phong khí mở rộng, hoàn cầu đi lại như một nhà, đường bộ thì có hỏa xa, đường thủy thì có hỏa thuyền, không trung thì có tàu bay, lại thêm điện báo để thông thư tín, điện thoại để thông âm ngữ, tin tức đã mau, vận tải rất tiện, người mà thông buôn bán thì làm giàu rất tiện” (Lương, 1928, Tựa). Trong dòng chảy tư tưởng đó, báo Công Luận cùng với một số tờ báo khác ở Nam Kỳ những thập niên đầu thế kỷ XX đóng vai trò quan trọng trong việc truyền bá tinh thần tranh thương và cổ vũ người Việt tham gia phát triển kinh tế dân tộc. Dù phạm vi ảnh hưởng còn hạn chế, nhưng báo Công Luận góp phần tạo dựng nền tảng tư tưởng cho phong trào dân tộc dân chủ sau này.

**Ghi chú:** Tác giả trích dẫn một số tư liệu từ sách báo đương thời nên giữ đúng nguyên văn vì thế có nhiều chỗ khác biệt về chính tả, từ vựng so với tiếng Việt hiện nay.

Lời cảm ơn: *Nghiên cứu này được hỗ trợ bởi đề tài khoa học và công nghệ Trường Đại học Đồng Tháp, mã số SPD2024.01.11.*

#### **Tài liệu tham khảo**

- C. (Ngày 13 tháng 6 năm 1922). Lo cho nước giàu, dân khôn. *Công Luận báo*, (503), 1.
- Cao, H. Đ. (Ngày 20 tháng 11 năm 1923). Dân ta có thói hoá chăng?. *Công Luận báo*, (635), 1.
- Công Luận báo. (Ngày 16 tháng 11 năm 1923). Điếc hay là cục đất (IV). *Công Luận báo*, (634), 1.
- Công Luận báo. (Ngày 6 tháng 2 năm 1923). Nam Bắc một nhà. *Công Luận báo*, (565), 1.
- Công Luận. (Ngày 28 tháng 7 năm 1922). Về sự lập sở thừa sai Hội đồng Quản hạt. *Công Luận báo*, (515), 1.
- Hứa, N. A. (Ngày 29 tháng 3 năm 1927). Phải lo làm giàu. *Công Luận báo*, (584), 1.
- Lê, M. (Ngày 14 tháng 10 năm 1924). Nam, Bắc một nhà. *Công Luận báo*, (64), 4.
- Les Annales Coloniales. (Ngày 17 tháng 1 năm 1924). Conchinchine, Les événements et les hommes. *Les Annales Coloniales*, (9), 2.
- Lương, N. H. (1928). *Thương học phương châm*. Hà Nội: Nhà in Thụy Ký.
- Ngô, K. M. (Ngày 11 tháng 7 năm 1922). Học buôn bán. *Công Luận báo*, (511), 1.
- Ngô, K. M. (Ngày 9 tháng 1 năm 1923). Gia Định nông nghiệp tương tế hội. *Công Luận báo*, (557), 1.
- Ngươn, T. (Ngày 2 tháng 2 năm 1923). Nông nghiệp thiết hành. *Công Luận báo*, (564), 1.

- Nguyễn, K. Đ. (Ngày 23 tháng 6 năm 1922). Hội đồng Quản hạt lúa nghị viên, *Công Luận*, (506), 1.
- Nguyễn, T. T., & T. T. (Ngày 10 tháng 10 năm 1924). Tàu đò An Nam. *Công Luận báo*, (63), 2.
- René, L. (Ngày 30 tháng 11 năm 1923). Việc hiện tại, vì sao các Nghị viên quản hạt Annam phải phê bôn thảo tờ giao kèo của phòng Thương mại ta. *Công Luận báo*, (638), tr.1.
- T. L. (Ngày 18 tháng 7 năm 1922). Muốn cho xã hội tấn hoá. *Công Luận báo*, (512), 1.
- T.L. (Ngày 21 tháng 7 năm 1922). Nam Bắc một nhà (Ngõ cùng đồng bào Nam Kỳ). *Công Luận báo*, (513), 1.
- Thạch, S. (Ngày 4 tháng 9 năm 1926). Ta mở mở mắt mà coi người làm. *Công Luận báo*, (418), 2.
- Tô, V. (Ngày 20 tháng 6 năm 1922). Ta nên biết sự hèn dở của ta. *Công Luận báo*, (505), 1.
- Tô, V. (Ngày 12 tháng 1 năm 1923). Nông gia đoàn thể hội. *Công Luận báo*, (558), 1.
- Trần, T. L. (Ngày 30 tháng 6 năm 1922). Hội đồng quản hạt, ta bầu ai?, *Công Luận báo*, (508), 1.
- Văn, C. (Ngày 22 tháng 4 năm 1927). Mấy điều suy nghĩ về Thương mại nước nhà. *Công Luận báo*, (603), 1.